

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 818/2020/KDTM-PT
Ngày: 28/8/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín
dụng và hợp đồng thế chấp tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Bà Vũ Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2020/TLPT- KDTM ngày 24 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2019/KDTM-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3435/2020/QĐ - PT ngày 08 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: 02 đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Ông Khánh (có mặt), là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số ngày 26/3/2020 và ông Nguyễn Hồng H (có mặt), là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số ngày 05/8/2020.

Bị đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: Tổ 13, Ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Quốc P, sinh năm 1975 (vắng mặt) và bà Ngô Thị Thu H, sinh năm 1990 (có mặt), là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 25/5/2020.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn D (vắng mặt), chức danh: Trưởng ban quản trị hợp tác xã, là đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã nông nghiệp T1, trước khi Hợp tác xã giải thể.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Văn C (có mặt tại phiên tòa ngày 06/8/2020)

3. Bà Đặng Thị Ngọc Đ (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Trần Văn T2 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Giả Thị Bích T3 (vắng mặt)

Địa chỉ: 18/4B (số mới là 1669/14 Huỳnh Tấn Phát), Khu phố 3, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Nguyễn Thị Y (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Trần Văn T4 (đã chết ngày 22/7/2018)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn T4 gồm:

7.1. Bà Nguyễn Thị Y (vắng mặt)

7.2. Ông Trần Văn L (có mặt tại phiên tòa ngày 06/8/2020)

7.3. Ông Trần Văn Tr (vắng mặt)

7.4. Ông Trần Văn Kh (vắng mặt)

7.5. Ông Trần Văn Kh1 (có mặt tại phiên tòa ngày 06/8/2020)

7.6. Ông Trần Văn L1 (có mặt tại phiên tòa ngày 06/8/2020)

7.7. Bà Trần Ngọc S (vắng mặt)

7.8. Bà Trần Ngọc Ph (vắng mặt)

7.9. Ông Trần Văn T2 (vắng mặt)

7.10. Ông Trần Văn C (có mặt tại phiên tòa ngày 06/8/2020)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

7.11. Ông Trần Văn B (vắng mặt)

Địa chỉ: 42 khu dân cư G, Ấp 5, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

7.12. Bà Trần Ngọc Ph1 (có mặt tại phiên tòa ngày 06/8/2020)

Địa chỉ: 179/12 ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Công ty TNHH T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/4/2017 (Tòa án nhận ngày 17/4/2017) của nguyên đơn là Ngân hàng N (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và lời trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông K trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Công ty TNHH T (sau đây viết tắt là Công ty T) có ký kết với Ngân hàng – Chi nhánh N các Hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số: 6340-LAV-20130626.01/HĐTD ngày 26/6/2013 để vay số tiền 4.000.000.000đồng (bốn tỷ đồng); Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh; Lãi suất cho vay trong hạn: 10%/năm; Lãi suất quá hạn: 15%/năm (lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ); Thời hạn vay: 12 tháng.

Hợp đồng tín dụng số: 6340-LAV-20130626.02/HĐTD ngày 26/6/2013 để vay số tiền: 4.000.000.000đồng (bốn tỷ đồng); Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua sà lan; Lãi suất cho vay trong hạn: 11%/năm; Lãi suất quá hạn: 16,5%/năm (lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ); Thời hạn vay: 36 tháng.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay nêu trên gồm:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất có diện tích 1.671,2m², thửa đất 666, 667 tờ bản đồ số 38 tại xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Loại đất: Đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng: 03/2053 (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AN 330515, số vào sổ cấp GCN: H 03238 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/7/2008, chủ sử dụng đất là ông Trần Văn T2 và bà Giả Thị Bích T3). Hợp đồng thế chấp tài sản số 6340-LCP-200900342 ngày 03/4/2009 được ký kết giữa Ngân hàng – Chi nhánh N với ông Trần Văn T2, bà Giả Thị Bích T3 và Công ty T. Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, số chứng thực: 242, quyền 1/2009/UB/CC-SDT/HD/GD ngày 07/4/2009.

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất có diện tích 896m²; Thửa đất số: 128-63; 128-64; 128-65; 128-66, tờ bản đồ số 09 tại xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn, đất gò; Thời hạn sử dụng: Lâu dài, 02/2024 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: X 328603, số vào sổ cấp GCN: 6241/QSDĐ/TC do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/02/2004 (chủ sử dụng đất là vợ chồng ông Trần Văn T4 và bà Nguyễn Thị Y). Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/06082012/TC ngày 09/8/2012 được ký kết giữa Ngân hàng – Chi nhánh N và ông Trần Văn T4, bà Nguyễn Thị Y tại Văn phòng công chứng Cần Giờ, số công chứng 001497, quyền số 03TP/CC-SCC/HĐGD. Hiện ông Trần Văn T4 đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn T4 gồm: Vợ là bà Nguyễn Thị Y và các con là các ông bà Trần Văn B, Trần Văn L, Trần Văn Tr, Trần Văn Kh, Trần Văn Kh1, Trần Văn L1, Trần Văn T2, Trần Văn C, Trần Ngọc Ph1, Trần Ngọc Phương, Trần Ngọc S.

Tài sản 3: Sà lan số SG.2151. Giấy tờ pháp lý về tài sản đảm bảo tiền vay gồm: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số: 3155/ĐK do Sở giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/12/2006. Chủ phương tiện là Hợp tác xã nông nghiệp T1, địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Võ Văn D là trưởng ban quản trị hợp tác xã và đã có ủy quyền cho ông Trần Văn T2.

Tài sản 4: Sà lan số SG.5463. Giấy tờ pháp lý về tài sản đảm bảo tiền vay gồm: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số: 7104/ĐK do Sở

giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/3/2010. Chủ phương tiện là Công ty T.

Tài sản 5: Sà lan số SG.5925. Giấy tờ pháp lý về tài sản đảm bảo tiền vay gồm: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số: 8028/ĐK do Sở giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/3/2011. Chủ phương tiện là Công ty T.

Tài sản 3;4;5 thuộc Hợp đồng thế chấp tài sản số 6340-LCL-20130621 ngày 26/6/2013 được ký kết giữa Ngân hàng – Chi nhánh N và Công ty T tại Văn phòng công chứng Cần Giờ, số công chứng: 001370, quyền số: 04TP/CC-SCC/HĐGD.

Tài sản 6: Sà lan số SG.6623. Giấy tờ pháp lý về tài sản đảm bảo tiền vay gồm: Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số: 1735/ĐK do Sở giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2014. Chủ phương tiện là ông Trần Văn C và bà Đặng Thị Ngọc Đ. Hợp đồng thế chấp tài sản số 6340-LCL-201400482 ngày 15/4/2014 được ký kết giữa Ngân hàng – Chi nhánh N với ông Trần Văn C, bà Đặng Thị Ngọc Đ tại Văn phòng công chứng Cần Giờ, số công chứng: 000994, quyền số: 05TP/CC-SCC/HĐGD.

Ngân hàng đã cơ cấu nợ tạo điều kiện cho Công ty T và nhiều lần đôn đốc Công ty T trả hết số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, Công ty T đã nhiều lần cam kết với Ngân hàng trả nợ nhưng không thực hiện đúng các cam kết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T trả hết một lần số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/11/2019 là 9.907.916.087đồng (trong đó nợ gốc là 4.967.250.000đồng, nợ lãi là 4.940.666.087đồng) và số tiền lãi phát sinh từ ngày 29/11/2019 đến ngày trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 6340-LAV-20130626.01/HĐTD ngày 26/6/2013 và Hợp đồng tín dụng số: 6340-LAV-20130626.02/HĐTD ngày 26/6/2013 mà hai bên đã ký kết.

Trong trường hợp Công ty T không trả hết số nợ gốc và nợ lãi nêu trên thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng. Trường hợp số tiền phát mại các tài sản nêu trên không đủ thanh toán số tiền nợ vay cho Ngân hàng thì Công ty T tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Hợp tác xã nông nghiệp T1 có đại diện theo pháp luật là ông Võ Văn D – Trưởng ban quản trị hợp tác xã có lời khai như sau: Vào năm 2013, Ông D đại diện cho Hợp tác xã nông nghiệp T1 bán cho ông Trần Văn T2, địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh 01 sà lan có số đăng ký SG2151, theo GCN số 3155/ĐK do Sở giao thông công chính ký ngày 06/12/2006, việc mua bán sà lan trên đã xong và ông T2 cũng đã thanh toán đủ tiền cho Hợp tác xã nông nghiệp T1 nhưng tại thời điểm đó chưa sang tên cho ông T2. Ông D đại diện cho Hợp tác xã nông nghiệp T1 ký hợp đồng ủy quyền cho ông T2 được toàn quyền quyết định đối với sà lan trên. Sau đó, ông T2 đem sà lan trên thế chấp tại Ngân hàng – Chi nhánh N. Nay Ngân hàng khởi kiện ông T2 để yêu cầu trả nợ, xử lý tài sản thế chấp là sà lan

thì ông T2 phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng và không liên quan gì đến Hợp tác xã nông nghiệp T1. Ông D xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn T4 gồm ông Trần Văn B, ông Trần Văn L, ông Trần Văn Tr, ông Trần Văn Kh1, ông Trần Văn Kh, ông Trần Văn L1, bà Trần Ngọc Ph1, bà Trần Ngọc Ph có lời khai như sau:

Các ông bà biết cha là ông Trần Văn T4, mẹ là bà Nguyễn Thị Y đã thế chấp quyền sử dụng đất diện tích 896m² thuộc thửa 128-63, 128-64, 128-65, 128-66, tờ bản đồ số 9 tại xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng – Chi nhánh N cho Công ty T, nay cha là ông Trần Văn T4 đã chết, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp trên thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp trên theo quy định của pháp luật, các ông bà không có yêu cầu gì và xin vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng của Tòa án.

Tại Bản án sơ thẩm số 39/2019/KDTM – ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1.1] Buộc Công ty T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/11/2019 là 9.827.877.471 đồng (chín tỷ, tám trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm tám mươi bảy ngàn, bốn trăm bảy mươi một đồng), trong đó: Nợ gốc là 4.967.250.000 đồng; Nợ lãi là 4.860.627.471 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 29/11/2019, Công ty T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà Công ty T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

[1.2] Trong trường hợp Công ty T không trả được khoản tiền trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo nghĩa vụ được bảo đảm trong từng hợp đồng thế chấp. Các tài sản thế chấp bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 1.671,2 m², thửa đất 666,667, tờ bản đồ số 38 tại xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: AN 330515, số vào sổ cấp GCN: H 03238 do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/7/2008 cho ông Trần Văn T2 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 6340-LCP-200900342, ngày 03/4/2009 được ký kết giữa Ngân hàng – Chi nhánh N và ông Trần Văn T2, bà

Giả Thị Bích T3 chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, số chứng thực: 242; Quyền 1/2009/UB/CC-SDT/HD/GD;

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 896m² (trong đó đất ở nông thôn 291,2m², đất gò 604,8m²), thửa đất số 128-63; 128-64; 128-65; 128-66, tờ bản đồ số 09 tại xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: X 328603, số vào sổ cấp GCN: 6241/QSDĐ/TC do Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/02/2004 cho hộ ông Trần Văn T4 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 08/06082012/TC ngày 09/8/2012 được ký kết giữa Ngân hàng – Chi nhánh N và ông Trần Văn T4, bà Nguyễn Thị Y tại Văn phòng công chứng Cần Giờ, số công chứng: 001497, quyền số: 03TP/CC-SCC/HĐGD;

+ Sà lan số SG.2151. Giấy tờ pháp lý về tài sản đảm bảo tiền vay gồm: Giấy chứng nhận chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 3155/ĐK do Sở giao thông công chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/12/2006 cho Hợp tác xã nông nghiệp T1; Sà lan số SG.5463. Giấy tờ pháp lý về tài sản đảm bảo tiền vay gồm: Giấy chứng nhận chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 7104/ĐK do Sở giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/3/2010. Chủ phương tiện là Công ty T; Sà lan số SG.5925. Giấy tờ pháp lý về tài sản đảm bảo tiền vay gồm: Giấy chứng nhận chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 8028/ĐK do Sở giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/3/2011. Chủ phương tiện là Công ty T theo hợp đồng thế chấp tài sản số: 6340-LCL-20130621 ngày 26/6/2013 được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty T tại Văn phòng công chứng Cần Giờ, số công chứng: 001370, quyền số: 04TP/CC-SCC/HĐGD;

+ Sà lan số SG.6623. Giấy tờ pháp lý về tài sản đảm bảo tiền vay gồm: Giấy chứng nhận chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa số 1735/ĐK do Sở giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/3/2014. Chủ phương tiện là ông Trần Văn C và bà Đặng Thị Ngọc Đ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 6340-LCL-201400482 ngày 15/04/2014 được ký kết giữa Ngân hàng với ông Trần Văn C, bà Đặng Thị Ngọc Đ tại Văn phòng công chứng Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng: 000994, quyền số: 05TP/CC-SCC/HĐGD.

Buộc bà Nguyễn Thị Y và những người thừa kế của ông Trần Văn T4 là các ông bà Nguyễn Thị Y, Trần Văn B, Trần Văn L, Trần Văn Tr, Trần Văn Kh, Trần Văn Kh1, Trần Văn L1, Trần Văn T2, Trần Văn C, Trần Ngọc Ph1, Trần Ngọc Phương, Trần Ngọc S có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông T4 trong phạm vi tài sản mà ông T4, bà Y đã thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 08/06082012/TC ngày 09/8/2012 được ký kết giữa Ngân hàng và ông Trần Văn T4, bà Nguyễn Thị Y tại Văn phòng công chứng Cần Giờ, số công chứng: 001497, quyền số: 03TP/CC-SCC/HĐGD.

[1.3] Trường hợp khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty T phải tiếp tục có trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân hàng.

[2] Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2017/QĐ-BPBD ngày 19/6/2017 về việc “Kê biên tài sản đang tranh chấp” của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/12/2019, Công ty T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do: Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xâm phạm hoạt động tư pháp, ra bản án trái luật nhằm hợp thức hóa quá trình tố tụng của Thẩm phán khi ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trái luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là Công ty T có bà Nguyễn Thị Thu H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thông báo thụ lý vụ án xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng nhưng sau đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản là vượt quá yêu cầu khởi kiện.

Phía bị đơn có người đại diện theo ủy quyền nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập cho người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án.

Phía bị đơn đã khiếu nại về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, về việc giải quyết vụ án không minh bạch của Tòa án cấp sơ thẩm và sau khi nhận quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án cấp sơ thẩm, phía bị đơn vẫn tiếp tục khiếu nại nhưng đến nay vẫn chưa nhận kết quả giải quyết.

Ngoài ra, tại Tòa án cấp sơ thẩm, phía nguyên đơn không cung cấp đầy đủ các hợp đồng tín dụng, trong đó có sổ dư nợ theo các hợp đồng tín dụng trước đây được chuyển dư nợ qua theo dõi tại hai Hợp đồng tín dụng mà nguyên đơn khởi kiện, đến nay giữa nguyên đơn và bị đơn vẫn chưa đối chiếu được sổ nợ gốc, nợ lãi sau khi chuyển nợ, điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía bị đơn.

Việc chuyển dư nợ và không định giá tài sản đảm bảo của phía nguyên đơn là có vi phạm quy định của nhà nước về cho vay.

Do Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án không khách quan, không toàn diện, có vi phạm tố tụng trong quá trình giải quyết nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn là Ngân hàng có ông Nguyễn Hồng H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngoài hai hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp mà phía nguyên đơn đã cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm, phía nguyên đơn cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-201000618 ngày 24/5/2010;
- Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-20112011 ngày 15/12/2011.

Thực chất, số dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-200900408 ngày 02/4/2009 đã chuyển sang Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-201000618 ngày 24/5/2010. Sau đó, số dư nợ tại Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-201000618 ngày 24/5/2010 chuyển tiếp sang dư nợ tại Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-20112011 ngày 15/12/2011 và số dư tại Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-20112011 ngày 15/12/2011 được tiếp tục chuyển tiếp sang dư nợ và theo dõi tại Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-20130626.01/HĐTD ngày 26/6/2013.

Đến nay, phía nguyên đơn chưa cung cấp được Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-200900408 ngày 02/4/2009.

Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 6340-LCP-200900342 ngày 03/4/2009 được đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo một phần Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-200900408 ngày 02/4/2009 và/hoặc các hợp đồng tín dụng khác (nếu có).

Số dư nợ và tài sản đảm bảo trong các Hợp đồng tín dụng mà phía nguyên đơn cung cấp tại Tòa án cấp phúc thẩm nêu trên đã được chuyển sang và theo dõi tại Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-20130626.01/HĐTD ngày 26/6/2013 mà phía nguyên đơn đã khởi kiện và cung cấp trong hồ sơ vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Đến nay, các bên chưa ký đối chiếu thông nhất số nợ.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ lãi là 4.860.627.471 đồng. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra, số tiền nợ lãi mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nêu trên là chưa chính xác do phía nguyên đơn có sai sót khi chưa khấu trừ số tiền lãi mà phía bị đơn đã thanh toán.

Do vậy, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa số liệu về tiền lãi mà bị đơn phải thanh toán là 4.520.725.783 đồng, các phần còn lại yêu cầu giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn T4 gồm bà Trần Ngọc Ph1, ông Trần Văn C, ông Trần Văn Kh1, ông Trần Văn L trình bày tại phiên tòa ngày 06/8/2020 như sau:

Các ông bà mong muốn được Ngân hàng xem xét, tạo điều kiện khi xử lý tài sản thế chấp để các đương sự lưu giữ lại được tài sản đã thế chấp của cha là ông Trần Văn T4.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng:

Quá trình từ thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng, đương sự có mặt đã chấp hành đúng pháp luật và có ủy quyền hợp lệ theo các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền và đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho các đương sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ, trong thời hạn luật định.

Về nội dung:

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè phù hợp quy định tại Điều 111, Điều 112, Điều 136 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp các hợp đồng tín dụng mới có liên quan đến tài sản bảo đảm, các hợp đồng này chưa được xem xét ở cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Do vậy, để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được tổng đạt triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp là phù hợp quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 16 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2005.

Theo Công Văn số 2252/UBND ngày 13/5/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh về việc thông tin tình trạng pháp lý Hợp tác xã nông nghiệp T1 như sau: Hợp tác xã đã giải thể và bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào tháng 3 năm 2014. Trước khi giải thể, người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã nông nghiệp T1 là ông Võ Văn D, sinh năm 1967, là Trưởng Ban Quản trị, Chủ nhiệm hợp tác xã nên ông Võ Văn D là người tham gia tố tụng trong vụ án.

Theo giấy ủy quyền ngày 28/6/2017, Công ty T ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc P, thời gian ủy quyền đến ngày 31/12/2017. Ông Nguyễn Quốc P đã tham gia tố tụng và nhận Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2017/QĐ – BPKCTT ngày 19/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 11/2017/QĐ-TANB ngày 10/11/2017 về việc giải quyết khiếu nại đối với đơn khiếu nại quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Công ty T theo quy định tại Điều 141 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do vậy, xét thấy ý kiến kháng của Công ty T nêu rằng Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng trong việc xác định loại việc tranh chấp, không tổng đạt văn bản tố tụng cho người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, chưa giải quyết khiếu nại đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không có cơ sở.

Về nội dung:

Căn cứ đơn khởi kiện, lời trình bày của đại diện hợp pháp của phía nguyên đơn và các tài liệu do nguyên đơn cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện:

Ngân hàng và Công ty T có ký kết các hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số: 6340-LAV-20130626.01/HĐTD ngày 26/6/2013, với số tiền vay 4.000.000.000đồng; Lãi suất cho vay trong hạn là 10%/năm và lãi suất quá hạn là 15%/năm (lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ); Thời hạn vay 12 tháng.

Hợp đồng tín dụng số: 6340-LAV-20130626.02/HĐTD ngày 26/6/2013, với số tiền vay 4.000.000.000đồng; Lãi suất cho vay trong hạn là 11%/năm và lãi suất quá hạn: 16,5%/năm (lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ); Thời hạn vay 36 tháng.

Tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho các hợp đồng tín dụng nêu trên theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 6340-LCP-200900342 ngày 03/4/2009; Hợp đồng thế chấp tài sản số 08/06082012/TC ngày 09/8/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 6340-LCL-20130621 ngày 26/6/2013; Hợp đồng thế chấp tài sản số 6340-LCL-201400482 ngày 15/4/2014.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn là Công ty T trả số nợ gốc, nợ lãi và xử lý tài sản đảm bảo theo các hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp nêu trên.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ 02 hợp đồng tín dụng nêu trên, bản liệt kê tiền lãi và tài liệu do nguyên đơn cung cấp để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/11/2019 là 9.827.877.471đồng, trong đó: Nợ gốc là 4.967.250.000đồng và nợ lãi là 4.860.627.471đồng. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định trong trường hợp Công ty T không trả được khoản tiền trên thì Ngân hàng có quyền đề

ngợi Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo nghĩa vụ được bảo đảm trong từng hợp đồng thế chấp.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng xác định ngoài 02 hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm, Ngân hàng cung cấp thêm các tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể là Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-201000618 ngày 24/5/2010, Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-20112011 ngày 15/12/2011 để chứng minh và lý giải rằng các bên có thỏa thuận chuyển số dư nợ và tài sản đảm bảo từ các 03 hợp đồng tín dụng là Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-200900408 ngày 02/4/2009, Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-201000618 ngày 24/5/2010, Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-20112011 ngày 15/12/2011 vào Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-20130626.01/HĐTD ngày 26/6/2013 (hợp đồng nguyên đơn đã khởi kiện). Trong đó, có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 6340-LCP-200900342 ngày 03/4/2009 được đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo một phần Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-200900408 ngày 02/4/2009 và/hoặc các hợp đồng tín dụng khác (nếu có).

Riêng Hợp đồng tín dụng số 6340-LAV-200900408 ngày 02/4/2009, Ngân hàng xác định chưa cung cấp được tại phiên tòa phúc thẩm.

Xét thấy, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp tại cấp phúc thẩm là những tình tiết mới có liên quan số đến số nợ và nghĩa vụ bảo đảm, các tài liệu, chứng cứ mới này chưa được cấp sơ thẩm xem xét đánh giá. Đến nay, các bên xác định chưa thống nhất số nợ và nghĩa vụ bảo đảm, phía nguyên đơn vẫn còn yêu cầu cấp phúc thẩm điều chỉnh số liệu về nợ lãi do số liệu phía nguyên đơn cung cấp được cấp sơ thẩm chấp nhận là chưa chính xác.

Với tình tiết mới nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy chưa đủ cơ sở để có thể xem xét đánh giá và không thể thu thập bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm. Do vậy, cần thiết phải chuyển giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm nhằm đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Với nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét hủy Bản án sơ thẩm số 39/2019/KDTM – ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí:

Đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Hủy Bản án sơ thẩm số 39/2019/KDTM – ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: 02 đường L, phường T, quận B Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: Tổ 13, Ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn D, chức danh: Trưởng ban quản trị hợp tác xã, là đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã nông nghiệp T1, trước khi Hợp tác xã giải thể.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Văn C

3. Bà Đặng Thị Ngọc Đ

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Trần Văn T2

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Giả Thị Bích T3

Địa chỉ: 18/4B (số mới là 1669/14 Huỳnh Tấn Phát), Khu phố 3, phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Nguyễn Thị Y

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Trần Văn T4 (chết ngày 22/7/2018)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn T4 gồm:

7.1. Bà Nguyễn Thị Y

7.2. Ông Trần Văn L

7.3. Ông Trần Văn Tr

7.4. Ông Trần Văn Kh

7.5. Ông Trần Văn Kh1

7.6. Ông Trần Văn L1

7.7. Bà Trần Ngọc S

7.8. Bà Trần Ngọc Ph

7.9. Ông Trần Văn T2

7.10. Ông Trần Văn C

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

7.11. Ông Trần Văn B

Địa chỉ: 42 khu dân cư G, Ấp 5, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

7.12. Bà Trần Ngọc Ph1

Địa chỉ: 179/12 ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Nhà bè, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí: Hoàn trả cho Công ty TNHH T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0034799 ngày

03/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phong